

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH XNK PHONG AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH XNK PHONG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XNK PHONG AN BUSINESS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: XNK PHONG AN .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110553335

3. Ngày thành lập: 27/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 1C ngõ 74, ngách 74/27 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0356783539

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
4.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
5.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá xe)	4513
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
8.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá xe)	4541
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá)	4610
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620(Chính)

13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
14.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: -Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; -Bán buôn thủy sản; -Bán buôn rau, quả; -Bán buôn cà phê; -Bán buôn chè; -Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: -Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; -Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; -Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; -Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; -Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; -Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; -Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; -Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu; (Trừ dược phẩm)	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Loại trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: -Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến -Bán buôn xi măng -Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi -Bán buôn kính xây dựng -Bán buôn sơn, vécni -Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh -Bán buôn đồ ngũ kim -Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: (không tồn trữ hóa chất) - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
26.	Dịch vụ đóng gói	8292
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005) (trừ hoạt động đấu giá)	8299
28.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
29.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
32.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
33.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
35.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
36.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
37.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
38.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
39.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)	4789
40.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
41.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
42.	Vận tải hành khách đường sắt	4911

43.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
44.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
45.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định - Vận tải hành khách bằng xe taxi; - Vận tải hành khách theo hợp đồng; - Vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
46.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
47.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
48.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: - Vận tải hàng hóa ven biển - Vận tải hàng hóa viễn dương	5012
49.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
50.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hoạt động hoa tiêu, lái dất)	5222
54.	Bốc xếp hàng hóa	5224
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)	5229
57.	Chuyển phát	5320
58.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
59.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
60.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
61.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
62.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
63.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
64.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

65.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
66.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
67.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
68.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
69.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế)	4772
70.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)	4773
71.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ÁNH LÊ	Số 37 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	40,000	0011850000 29	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	40,000		
2	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Số 16 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	20,000	0011850126 36	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	20,000		

3	HOÀNG THỊ NGÁT	Số 16 Ngách 9/2 Trần Quốc Hoàn, Tổ 6, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	40,000	0301810082 21
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN BÍCH NGỌC
Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 18/03/1985
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001185012636

Ngày cấp: 24/07/2021
Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 16 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 16 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội